

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH HẢI  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 9 - 2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Nghiêm.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phạm Xuân Thành và bà Trần Thị Huệ.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huế – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Th1.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Th1 tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phan Thị Thanh Th, sinh năm: 1990 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Thôn P, xã PH, huyện N, tỉnh Ninh Th1.

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn P, xã PH, huyện N, tỉnh Ninh Th1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th quen biết với ông Nguyễn Văn T vào năm 2005 lúc làm chung ở đầm tôm trong Cà Ná, sau một thời gian tìm hiểu được sự đồng ý của hai gia đình vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân và có tổ chức tiệc ra mắt gia đình hai bên. Đến ngày 08/01/2008 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Th1, theo giấy chứng nhận kết hôn số 01. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở **Thôn P, xã PH, huyện N, tỉnh Ninh Th1**.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2015 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung khiến cả hai đều cảm thấy mệt mỏi nên đã ly thân cho đến nay. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do ông T ghen tuông vô cớ, thường có hành vi bạo lực đánh đập vợ con và thường xuyên

nhận nhệ không chăm lo cuộc sống gia đình; chị Th đã khuyên ngăn nhiều lần để giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh T không thay đổi.

Chuyện vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên đều biết nhưng không hòa giải được và vợ chồng không báo chính quyền địa phương hòa giải. Bà Th nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm để đoàn tụ và bà Th cũng không còn tình cảm với ông T, nên quyết định ly hôn để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có với nhau 03 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Th1, sinh ngày 01/10/2005; cháu Nguyễn Ngọc Qu, sinh ngày 17/7/2007 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/4/2010, hiện 03 cháu đang sống chung với bà Th tại Biên Hòa, Đồng Nai (ở trọ). Hiện nay bà Th làm công nhân phụ hồ tại Đồng Nai; thu nhập khoảng 10.000.000 – 12.000.000 đồng/tháng; bà Th nhận thấy đủ điều kiện kinh tế để nuôi con chung, nên khi ly hôn có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; 03 con chung cũng bị ảnh hưởng bởi những hành vi bạo lực của ông T nên các cháu đều có nguyện vọng sống với bà Th.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Phan Thị Thanh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án Thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia tố tụng thực hiện quyền nghĩa vụ của mình, nhưng ông T từ chối tham gia tố tụng, nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai để ghi nhận ý kiến của ông T đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Th và Tòa án đã xác minh nghiêm ngặt, gửi qua người thân các văn bản tố tụng cho ông T theo qui định.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Thanh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Th1 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Phan Thị Thanh Th đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn Nguyễn Văn T từ chối tham gia tố tụng, cố tình trốn tránh không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho bà Phan Thị Thanh Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Giao 03 con chung cho bà Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Bà Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Bà Phan Thị Thanh Th có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Nên có

căn cứ xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Nguyễn Văn T là người bị kiện có nơi cư trú tại thôn **Phương Cựu 1**, xã Phương Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Th1, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Th1 theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt giấy báo đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng không chấp hành. Tòa án đã lập biên bản từ chối tham gia tố tụng, gửi qua người thân và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt lần hai không có lý do; do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh Th và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Th có đơn yêu cầu ly hôn với ông T nên sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết theo thủ tục chung. Qua lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Quá trình chung sống, đến đầu năm 2015 cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, khiến cả hai đều cảm thấy mệt mỏi nên đã ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo chị Th trình bày là do do anh T ghen tuông vô cớ, thường có hành vi bạo lực đánh đập vợ con và thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo cuộc sống gia đình; bà Th đã khuyên ngăn nhiều lần để giữ hạnh phúc gia đình nhưng ông T không thay đổi. Bà Th nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm để đoàn tụ và bà Th cũng không còn tình cảm với ông T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã Thông báo các văn bản tố tụng, thời gian mở phiên tòa; nhưng ông Nguyễn Văn T từ chối tham gia tố tụng, cố tình trốn tránh nên ông T được xem như từ bỏ thực hiện quyền nghĩa vụ của mình và hậu quả pháp lý ông T phải chịu theo qui định của pháp luật.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 20/7/2020 của Tòa án, chính quyền địa phương xác nhận thực tế vợ chồng bà Th và ông T có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nên từ năm 2015 đến nay không còn sống chung với nhau tại địa phương; bà Th đã dẫn theo 03 con vào Biên Hòa, Đồng Nai và ly thân với ông T cho đến nay. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định lời trình bày của bà Th là đúng sự thật.

Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Thanh Th xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Bà Phan Thị Thanh Th và ông Nguyễn Văn T có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Th1, sinh ngày 01/10/2005; cháu Nguyễn Ngọc Qu, sinh ngày 17/7/2007 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 05/4/2010. Sau khi ly

hôn, bà Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của bà Th thì thấy: Từ năm 2015 cho đến nay các cháu Th1, Qu và M đã sống ổn định với bà Th ở Biên Hòa, Đồng Nai, do mình bà Th trực tiếp nuôi dưỡng; nên các cháu đã quen với môi trường sinh sống và học tập. Từ khi vợ chồng ly thân ông T cũng không làm tròn nghĩa vụ của một người cha đối với các con, không quan tâm, chăm sóc và chu cấp về chi phí sinh hoạt phụ giúp bà Th nuôi con chung. Về điều kiện kinh tế: Bà Th trình bày hiện nay làm công nhân phụ hồ tại Biên Hòa, Đồng Nai thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng – 12.000.000 đồng/tháng, nên bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập. Xét thấy, bà Th làm nghề tự do, nên việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh là phù hợp với thực tế; nhưng căn cứ vào mức thu nhập lao động bình quân đối với phụ hồ tại Biên Hòa, Đồng Nai dao động từ 350.000 – 400.000 đồng/ngày như bà Th trình bày là phù hợp; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Th có đủ điều kiện để nuôi con chung phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần. Vì vậy, việc giao 03 con chung cho bà Th trực tiếp nuôi là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của 03 con chung đều muốn ở với mẹ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Th tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn ông T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, phù hợp với qui định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: bà Phan Thị Thanh Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh Th đối với ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Th1, sinh ngày 01/10/2005; cháu Nguyễn Ngọc Qu, sinh ngày 17/7/2007 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày

05/4/2010 cho bà Phan Thị Thanh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân). Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Phan Thị Thanh Th không yêu cầu.

*Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Khi có căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Phan Thị Thanh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: bà Phan Thị Thanh Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021470 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Th1 (bà Th đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2020), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Ninh Th1;
  - VKSND huyện Ninh Hải;
  - CCTHADS huyện Ninh Hải;
  - Các đương sự;
  - UBND xã PH
- (GCNKH số 01, ngày 08/01/2008);
- Lưu HS + Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nghiêm**